

Bản án số: 207/2023/DS-PT
Ngày: 23/11/2023
V/v: *tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán: -Ông Nguyễn Văn Trường
-Ông Đặng Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 121/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2023/QĐ-PT, ngày 08 tháng 11 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1973. Địa chỉ: đường Nguyễn Cư Tr, phường Nguyễn Cư Tr, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: đường Phạm Thái B, phường T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn: bà Phan Thị Ngọc A, sinh năm 1964. Địa chỉ: đường Lê Thị Hồng G, phường H, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt).

Do có kháng cáo của bà Phan Thị Ngọc A là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2022, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 15/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà có cho bà Phan Thị Ngọc A vay tiền, cụ thể như sau:

Vào ngày 17/7/2021, bà cho bà A vay số tiền 38.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 15%/tháng, mục đích vay để trả nợ, bà A có viết biên nhận và ký tên. Sau khi viết biên nhận và nhận tiền xong bà A không thực hiện đóng lãi theo thỏa thuận.

Đến ngày 19/11/2021, do bà A cần tiền sửa chữa nhà cho mẹ của bà A nên có vay của bà 15 chỉ vàng 99. Do bà A còn nợ số tiền 38.000.000 đ nên khi cho vay vàng, bà có viết chữ điền vào tờ “ Giấy xác nhận về việc mượn

tiền” với nội dung “ *Phan Thị Ngọc A có mượn của cô Trương Thị H 15 chỉ vàng Từ M và 38 triệu tiền đồng Việt Nam*”, bà A xem lại nội dung giấy xác nhận và ký tên, ghi rõ họ tên.

Ngoài ra, trong đợt dịch covid-19 vào khoảng tháng 12/2021 bà A cần tiền mua điện thoại di động nên hỏi mượn của bà số tiền 3.900.000đ, không làm biên nhận, nhưng thoả thuận thời hạn trả là 02 tháng. Sau đó bà A trả vốn được 1.900.000đ, còn nợ 2.000.000đ.

Bà xác định, bà A vay của bà còn thiếu tổng cộng là 40.000.000đ và 15 chỉ vàng 99 đến nay chưa trả, nhiều lần nhắc nợ nhưng bà A tránh né. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Ngọc A phải trả 15 chỉ vàng 99, số tiền vay 38.000.000 đồng và tiền vay mua điện thoại di động còn nợ là 2.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Phan Thị Ngọc A trình bày:

Bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà thừa nhận trước đó có vay của nguyên đơn số tiền 3.900.000 đồng để mua điện thoại di động, trả được 1.900.000đ, còn nợ số tiền 2.000.000đ. Đối với số tiền 38.000.000đ và 15 chỉ vàng thì bà không có vay của nguyên đơn, nhưng bà xác nhận chữ ký tên và viết họ tên dưới người mượn trong tờ giấy xác nhận về việc mượn tiền đề ngày 19/11/2021 (do bà H viết nội dung) là do bà ký và viết họ tên, nhưng bà cho rằng ký vào tờ giấy trắng. Biên nhận nợ ngày 17/7/2021 là do bà viết và ký tên giao cho bà H cất giữ, nhưng bà cho rằng bà không có nhận một lần số tiền 38.000.000đ. Bà A giải thích trước đó có vay số tiền 5.000.000 đồng, nhưng không có đóng lãi nên bà H cộng lãi nhập vốn thành số tiền 38.000.000 đồng, theo bà A chỉ nợ gốc và lãi lên đến 15.000.000 đồng, nhưng bà A đã trả xong khoản nợ đó nên không thừa nhận khoản nợ vay 38.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 121/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã quyết định.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc bị đơn bà Phan Thị Ngọc A có nghĩa vụ trả nguyên đơn bà Trương Thị H tiền nợ vay 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và 15 (mười lăm) chỉ vàng 99 theo giấy xác nhận ngày 19/11/2021.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/9/2023 bà Phan Thị Ngọc A kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà phải trả nguyên đơn số tiền 38.000.000đ và 15 chỉ vàng 99. Xem xét lại việc buộc bà nộp tiền án phí 6.297.500đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phan Thị Ngọc A thừa nhận còn nợ bà H số tiền 38.000.000đ theo biên nhận ngày 17/7/2021, nhưng do bà H vu khống bà mượn 15 chỉ vàng 99 và nói không đúng sự thật nên bà không đồng ý trả số tiền này cho bà H. Đối với 15 chỉ vàng 99 bà không có mượn nên không đồng ý trả cho bà H.

Nguyên đơn bà Trương Thị H không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Ngọc A. Giữ nguyên án sơ thẩm. Bà A phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ.

Về án phí phúc thẩm: Bà A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngày 11/9/2023 Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, đến ngày 22/9/2023 bị đơn bà Phan Thị Ngọc A kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên kháng cáo được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn không đồng ý trả 38.000.000đ và 15 chỉ vàng 99 cho nguyên đơn;

Nguyên đơn bà Trương Thị H khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Ngọc A trả 15 chỉ vàng 99 và số tiền 40.000.000đ. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận ngày 17/7/2021, giấy xác nhận về việc mượn tiền ngày 19/11/2021.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thừa nhận biên nhận nợ đề ngày 17/7/2021 do bị đơn viết và ký tên, hiện nay bị đơn còn nợ số tiền 38.000.000đ theo biên nhận, nhưng do nguyên đơn vụ không bị đơn mượn 15 chỉ vàng 99 và nói không đúng sự thật nên không đồng ý trả số tiền này cho nguyên đơn.

Đối với giấy xác nhận về việc mượn tiền đề ngày 19/11/2021 bị đơn thừa nhận do bị đơn ký tên và viết họ tên dưới người mượn, nhưng ký tên và viết họ tên vào tờ giấy trắng, vì nguyên đơn nói ký đi rồi tổng hợp lại các khoản nợ vào một biên nhận và do tin tưởng nguyên đơn nên ký. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bị đơn ký vào tờ giấy

trắng. Bị đơn cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bị đơn viết biên nhận ngày 17/7/2021 và ký xác nhận nợ ngày 19/11/2021 trong trạng thái không tự nguyện hoặc bị nguyên đơn ép buộc. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ chứng minh cho sự phản đối đó. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng thừa nhận đang còn nợ nguyên đơn 38.000.000đ theo biên nhận ngày 17/7/2021, nhưng không đồng ý trả. Ngoài lời trình bày thì bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh không có mượn 15 chỉ vàng 99 của nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giám định chữ ký, nguyên đơn không thừa nhận. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nguyên đơn 15 chỉ vàng 99 và 40.000.000đ (38.000.000đ theo biên nhận ngày 17/7/2021 và 2.000.000đ mượn mua điện thoại) là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn không đồng ý nộp tiền án phí 6.297.500đ;

Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền 40.000.000đ và 15 chỉ vàng 99 (giá vàng tại thời điểm ngày xét xử 11/9/2023 tương đương số tiền 5.730.000đ/chỉ = 85.950.000đ + 40.000.000đ tiền vay = 125.950.000 đồng x 5% = 6.297.500đ. Buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 6.297.500đ là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 121/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Ngọc A;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 121/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị H;

1. Buộc bà Phan Thị Ngọc A có nghĩa vụ trả bà Trương Thị H số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và 15 (mười lăm) chỉ vàng 99 (theo giấy xác nhận về việc mượn tiền ngày 19/11/2021). .

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án) đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà Phan Thị Ngọc A chịu 6.297.500 đồng (Sáu triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Trương Thị H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.972.000đ (Hai triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001869 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: buộc bà Phan Thị Ngọc A chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002392 ngày 25/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- TAND Tp Vĩnh Long;
- CCTHADS Tp Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình

